

Đại sư ĐỨC THANH
HT. THÍCH TRÍ TỊNH dịch-giảng

**Pháp
hoạt
kinh
thông nghĩa**

(TẬP 1-TRỌN BỘ 3 TẬP)

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
HÀ NỘI - 2007



Duyên khởi

Hòa thượng Vạn Đức lúc còn khỏe, ngoài công việc Giáo Hội và phiên dịch, Ngài đã dành nhiều thời gian quý báu giảng dạy kinh điển cho Tăng Ni tu học. Thời gian tôi biết từ năm 1970–1975, gần như ngày nào Hòa thượng cũng đi dạy: hai ngày ở Huệ Nghiêm, hai ngày ở Vạn Đức, một ngày ở Từ Nghiêm, một ngày ở Đại Học Vạn Hạnh. Trong chương trình giảng dạy tại Phật Học Viện Huệ Nghiêm, Ngài đã giảng bộ Pháp Hoa Kinh Thông Nghĩa vào năm 1971.

Các học Tăng đã ghi lại lời giảng theo chỗ nghe, chỗ hiểu của mình. Trong số đó có thầy Minh Huệ, một học Tăng có nhiều năng khiếu về mỹ thuật, rất năng nổ

trong thời gian còn mạnh khỏe. Mấy năm lại đây, thầy bị một khối u lớn nổi lên bên một cạnh đầu hành hạ rất đau đớn. Thầy nhớ ơn giáo dưỡng của Hòa thượng cũng như trú xứ Phật Học Viện Huệ Nghiêm, nơi đã cứu mang gần suốt cuộc đời tu học của thầy. Trong thời kỳ thập tử nhất sinh do căn bệnh hoành hành này, thầy muốn làm một đĩa phim ghi lại sinh hoạt cũng như quá trình hình thành và phát triển của Phật Học Viện Huệ Nghiêm, đồng thời in ấn bộ Pháp Hoa Kinh Thông Nghĩa để cúng dường đại chúng nhân ngày lễ lạc thành chánh điện mới của chùa Huệ Nghiêm. Trong việc in ấn bộ Pháp Hoa Kinh Thông Nghĩa, nếu đặt bên ngoài làm hoặc đưa qua một bộ phận văn hóa in với điều kiện cho họ phát hành thì có thể xong kịp lễ. Nhưng thầy không muốn phát hành mà chỉ muốn cúng dường đại chúng trong khả năng của mình. Thấy được tâm nguyện tha thiết của thầy nên tôi nhận lời đứng ra lo liệu. Sở dĩ tôi nhận lời lo liệu là có mấy lý do sau đây:

- Một là vì bộ này do Hòa thượng Vạn Đức giảng dạy mà tôi chưa có duyên được nghe. Hòa thượng có giảng bộ này tại Vạn Đức vào năm 1958 trong mùa An cư Kiết hạ.

- Hai là vì tình hình bệnh trạng quá cấp bách nguy kịch của thầy Minh Huệ không biết vô thường đến với thầy lúc nào.

- Ba là tâm nguyện vì pháp của thầy muốn cúng dường đại chúng để đáp đền thâm ân giáo dưỡng của Hòa thượng.

Bộ sách được hoàn thành, trước nhất và trên hết, xin dâng lên cúng dường Hòa thượng Vạn Đức với lòng chí thành chí kính biết ơn Người đã dày công phiên dịch giảng dạy.

Thứ đến, xin biết ơn thầy trụ trì chùa Hoàng Pháp đã tạo điều kiện giúp đỡ trong việc xin giấy phép cũng như chỉnh sửa toàn bộ trước khi đưa vào in ấn.

Nguyện đem công đức pháp thí này đến mọi người cùng kết duyên với Nhất thừa Diệu pháp, học hạnh Phổ Hiền, đồng tu Tịnh độ, đồng sinh Cực Lạc, đồng thành Phật đạo.

Nam mô A-di-đà Phật.

Tỷ-kheo Thích Hoàng Tri

*



Lời đầu

Nam mô A-di-đà Phật

Kính bạch Hòa thượng *thượng* Trí hạ Tịnh chứng minh!

Kính bạch chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng, Ni và quý Phật tử!

Quyển Pháp Hoa Kinh Thông Nghĩa do Hòa thượng Vạn Đức dịch giảng, nguyên là Viện trưởng Viện Cao Đẳng Phật Học Huệ Nghiêm. Từ năm 1971 đến năm 1973, Hòa thượng bắt đầu giảng về 3 bộ kinh:

- Kinh Pháp Hoa Thông Nghĩa.
- Kinh Đại Phương Quảng Viên Giác Đại Sớ.
- Kinh Lăng-già Tâm Ấn.

Lúc đó, tôi chỉ nghĩ là ghi lại phần giảng giải để sau có dịp nghiên cứu sâu hơn. Vì thế, trong khi ghi chắc chắn rất nông cạn, bởi lẽ:

1. Đang học nên sự hiểu biết chưa đạt.
2. Vị trí cạn nghiệp dày, làm sao hiểu được Thánh ý!

Hơn nữa, Hòa thượng Huệ Nghiêm thường dạy: *"Nếu trong giáo lý Phật dạy, mình có hiểu sai mà đem áp dụng tu, chỉ có một mình có lỗi; nếu đem giảng dạy thì thêm một số người không ít. Còn viết lên sách in để phổ biến, tội đó chẳng phải nhỏ, vì sách lưu truyền qua nhiều thế hệ"*.

Tuy nhiên, hôm nay nhân có duyên lành, do trong Hội Bồ Thí in ấn kinh ở chùa Vạn Đức muốn phổ biến rộng cho hàng Phật tử trong các Đạo tràng Pháp Hoa được hiểu biết về ý nghĩa của kinh, mới đem xin giấy phép để in.

Kính bạch chư tôn đức Tăng Ni!

Tôi chỉ là một Tỷ-kheo ngu dốt và cũng lần đầu làm việc này. Tôi xin thành tâm sám hối vì chắc không tránh khỏi nhiều lỗi lầm sai sót. Kính mong quý Ngài khi xem kinh qua lời dạy của đức Phật, xin nhận được ý và quên đi phần chữ nghĩa, thì Tỷ-kheo ngu dốt tôi mới khỏi bị sa vào địa ngục.

Ngưỡng mong chư tôn đức hoan hỷ chỉ dạy cho những chỗ sai sót trong phần ghi lại lời giảng giải, để sau này có tái bản sẽ được hoàn chỉnh hơn.

Thành tâm cảm tạ.

Huệ Nghiêm, ngày 19 tháng 02 Bính Tuất
Tỷ-kheo Thích Minh Huệ

*



Lời tựa

Thưở xưa, ngài Thiên Thai Trí Giả đại sư chuyên trì kinh Pháp Hoa, chứng được Pháp Hoa tam-muội. Ngài thấy được hội Linh Sơn nghiêm nhiên chưa tan, bèn thông dùng ba pháp quán (chơn, giả, trung) để giải thích toàn thể kinh Pháp Hoa, nhấn đến bách giới thiên như, tổng quy về nơi quán tâm. Trong bộ Huyền Nghĩa và Thích Thiêm rất là tinh tường. Chỉ vì văn thì quá rộng mà nghĩa lý lại rất sâu, khiến cho người kiến thức cạn khó (vào) thấy được, đại khái rất rườm rà, mà hàng Tông môn chuộng đó lại rất ít.

Ngài Ôn Lăng thiên sư ban đầu làm yếu giải văn gọn mà nghĩa tốt, gá nơi sự để tiêu biểu cho pháp,

thanh nhã mà có chỉ quy. Và lại, tông nghĩa của Hoa Nghiêm, là một kinh ban đầu, và một kinh rốt sau (Pháp Hoa) rất là vừa đúng. Bởi ý chỉ nơi giản yếu nên chưa phát huy hết thủy chung nguyên bản. Do đó, người đọc chưa có thể thấu suốt được ý chỉ nguyên thủy yếu chung. Tóm lại có hơi thiếu sót vậy.

Nhưng có hai nhà phán kinh toàn bộ (ngài Thiên Thai và Ôn Lăng) đều lấy tám phẩm sau chung nhập làm phần lưu thông, in tuồng như chưa thông suốt được quy thú. Người học nhìn lướt qua cho là tầm thường, đến nỗi ý của Phật chưa thông mà chỉ thú của kinh cũng chưa rõ, ở nơi văn tự đều cho là rườm rà.

Đức Thanh tôi từ thuở nhỏ đã vào hội giảng kinh, chỗ nghe và chỗ học tập chẳng đồng, mà trộm có ý nghi nên thường để tâm tham cứu. Ngày trước, nhờ ơn khi bị lưu đày, trước nhục với ngài Đạt Quán thiền sư lúc nghe tôi mắc nạn, nên vì tôi mà hứa tụng một trăm bộ Pháp Hoa để tiêu tội đời trước. Trên đường lưu đày, bèn mở đạo tràng ở những nơi cao ráo họp các đệ tử lại để trì tụng. Chúng thỉnh giảng thuyết một vòng, bỗng nhiên có chỗ khế hội, bèn dùng bốn chữ "khai, thị, ngộ, nhập" để phán toàn kinh Pháp Hoa. Mọi người đều vui đẹp, nhân đó biên ra thành tập, trước sau xuyên suốt, rồi dùng bốn môn "tín, giải, hạnh, chứng" của Hoa Nghiêm để thâm đó, lược không còn pháp nào thừa. Thỉnh hỏi

các bậc cao minh thì trong đó có người hứa khả. Nhân nghĩ đến phần đại cương, dù đã nắm được để chia phẩm mục, mà kinh thì chưa hội thông, chẳng tiện cho hàng sơ học. Thế nên, tôi thuật phẩm tiết để trình bày ý chỉ toàn kinh, vẫn còn lược mà chưa rõ. Bởi vì Tông Hoa Nghiêm phát minh “đức Như Lai xuất thế là vì một đại sự nhân duyên”. Ở phẩm Phương Tiện, đức Như Lai đã tự thuật rất rõ, vì thứ lớp truyền nhau không rõ nơi đầu nguồn, thế nên, người học chẳng khỏi trông ra biển mà than vậy.

Do đó, nay tôi lại làm bộ “Thông Nghĩa”. Bởi tôn trọng bậc cổ đức và các bộ giải xưa, chẳng dám vọng làm giải thích. Chỉ hội thông toàn kinh, để quy về nơi “khai thị ngộ nhập Phật tri kiến”, hầu phát minh ý chỉ rộng lớn trước sau xuyên suốt của kinh Hoa Nghiêm, để đề xướng bốn hoài xuất thế của Như Lai. Nếu hiệp các dòng mà quy về nơi biển cả thì trọng ở cương Tông, mà văn ngôn có thể lược, cho nên thông đại nghĩa kia dù chế ra chẳng theo nơi xưa, mà lý thì có chỗ sở Tông. Trông mong người xem không vì người mà bỏ lời thì cái tội lẩn lướt người trên của tôi có thể tha thứ được vậy.

Hám Sơn Đức Thanh

Hân tịnh Tỷ-kheo Thích Trí Tịnh dịch



Lời phán trước

Giao lý của đức Phật thuyết pháp trong một đời. Các bậc Cổ đức phân phán cạn sâu nhiều ít chẳng đồng:

* Ngài Hiền Thủ đại sư chia ra làm năm: Tiểu, Thủy, Chung, Đốn, Viên; lấy kinh Pháp Hoa làm Chung giáo, kinh Hoa Nghiêm làm Viên giáo.

* Ngài Thiên Thai Trí Giả đại sư chia làm bốn giáo: Tạng, Thông, Biệt, Viên; lấy kinh Pháp Hoa làm thuần Viên, lấy kinh Hoa Nghiêm làm Biệt Viên, nghĩa là kèm Biệt giáo để thuyết minh Viên giáo. Hai nhà phán kinh ở đây in tuồng có sai khác nhau, bởi đều có chỗ sở tôn vậy.

Còn ngài Thiên Thai cho kinh Pháp Hoa này là thuần Viên, đó là ý cho rằng kinh Pháp Hoa này thuần nói về “Thật tướng”. Như “Đại bạch ngưu xa” là thuần nhất không tạp. “Tam thừa đồng quy về nơi nhất”. Ngũ tánh đồng vào, Lý không gì chẳng suốt; Sự không gì chẳng biết, rốt ráo là Viên, mà lấy kinh Hoa Nghiêm làm Biệt Viên đó, bởi do vì 42 hạng vị (Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng và Thập địa cùng với Đẳng giác và Diệu Giác) nghĩa là gá nơi Biệt để thuyết minh Viên. Đây thì chưa hết chỗ cực đàm xứng tánh viên dung quả hải sự sự vô ngại, cho nên riêng tôn trọng kinh này, đều không có thêm bớt.

Bởi ngài Thiên Thai thân ngộ Pháp Hoa tam-muội, y cứ nơi sở đắc mà xưng tôn, để hiển bày giáo pháp thù thắng vi diệu, chẳng phải gọi rằng đề cao.

Ngài Hiền Thủ cho kinh Hoa Nghiêm là Viên, còn kinh Pháp Hoa là Chung. Bởi kinh Hoa Nghiêm là Báo thân Phật ở nơi Thật Báo độ, xứng tánh diễn nói Viên, viên quả hải Pháp giới viên dung tự tại pháp môn.

Y báo, Chánh báo, hạt bụi, sợi lông, mỗi mỗi đều xứng tánh cùng khắp. Dù nói 42 vị, nghĩa lý đã trình bày nhân quả xuyên suốt, vô chướng vô ngại, cho nên gọi đó là Viên, mà cho kinh Pháp Hoa là Chung giáo đó. Do vì kinh Pháp Hoa là Hóa Phật nói, ở cõi phương tiện độ, để uyển chuyển dắt dẫn hàng Tam thừa đồng về nơi Nhất thừa, cho nên gọi là đức Như Lai “vì một đại sự nhân duyên mà hiện ra nơi đời”. Vì muốn khiến cho chúng sinh “khai thị ngộ nhập Phật tri kiến”. Nhưng Phật tri kiến đó là Nhất chân Pháp giới Như Lai tạng tâm. Đức Lô-xá-na Phật chứng đó là Pháp Giới Hải Huệ Phổ Quang Minh Trí. Đây gọi là Nhất Thừa Thường Trụ Chân Tâm.

Ban đầu thành Chánh Giác, ở nơi Bồ-đề Đạo Tràng liền xứng với chân tâm này mà diễn nói kinh Hoa Nghiêm, liền trình bày Pháp giới Viên dung vô ngại, riêng lợi ích cho hàng đại cơ, mà hàng tiểu căn tại tòa vẫn như đui như điếc, chỗ giáo hóa chẳng rộng, chỗ gọi là một môn hẹp nhỏ, nên chưa biết bản hoài của Phật, vì thế xem cây kinh hành, trong 21 ngày tư duy, đem Nhất thừa pháp phân biệt nói thành ba thừa. Cho nên, đức Phật mới dùng

Đồng thể đại bi, chẳng rời khỏi tòa mà khắp hiện trong mười phương, hiện thân ứng hóa vì những người sợ sinh tử luân hồi ở Ta-bà thế giới, nơi vườn Lộc Dã nói pháp Tứ đế độ các chúng sinh. Hàng Thanh văn dù đã chứng Niết-bàn, mà ở nơi Nhất thừa Phật Tri Kiến trọn tuyệt phần. Nhân nơi đây mà lao nhọc đức Phật trong 40 năm quyền xảo phương tiện, ra công quả trách đào thải.

Đến trên hội Pháp Hoa này, tâm chí đại chúng đã tinh thuần mới tin được Phật tâm, mới có phần thành Phật. Cho nên, mỗi người đều được thọ ký, mới toại bản hoài xuất thế của Như Lai.

Đến đây, duyên lợi sinh sắp hết cho nên mới gọi đó là Chung giáo. Đây là ước nơi hóa nghi sự đã xong rồi làm Chung mà gọi là Viên đó, bèn thâm nhận kết quả cứu cánh nhiếp vào viên dung quả hải, chớ chẳng phải cái quả Viên của viên dung quả hải tự mình được an trụ vậy, cho nên nói kinh Hoa Nghiêm là Đốn Viên, như mặt trời mới mọc, trước chiếu ở núi cao. Còn kinh Pháp Hoa là Tiệm Viên, như hợp các dòng nước khác mà quy về nơi biển. Như việc Long Nữ thành Phật đó cũng gọi là Viên Đốn.

Trong luận Đại Trí Độ thuyết minh chỗ quy thú của hai kinh sáng tỏ như mặt trời, như sao. Xin xem một phẩm Phương Tiện thì có thể thấy đủ bản hoài xuất thế của đức Như Lai vậy. Nên biết trong kinh Pháp Hoa có dụ ông Trưởng giả oai đức đặc tôn, đó là chỉ cho Báo thân Phật mà nói. Nhất chân Pháp giới là nhà của ông Trưởng giả, Hoa tạng thế giới vô lượng trang nghiêm là sự giàu có của ông Trưởng giả. Nhất thừa nhân quả đó là Đại bạch ngưu xa. Trước thẳng đến Bảo Sở đó là chỗ trở về Pháp giới, tức chỗ gọi là Biến diệu trang nghiêm.

Phàm chỗ thi thiết đều quy về Pháp giới, các thứ phát lộ ra không chỗ nào mà chẳng sáng tỏ. Thế nên, các bậc Cổ đức, có vị phán kinh Hoa Nghiêm là “Căn bản pháp luân”, còn các giáo pháp phương tiện là “Chi mạng pháp luân”. Kinh Pháp Hoa này là “Nhiếp mạng quy bốn pháp luân”, mà trong Giáo, chỗ hiển bày chẳng ra ngoài “Lý Hạnh Nhân Quả”. Lấy Lý Hạnh làm Nhân, Chứng Nhập làm Quả.

Tôi (ngài Đức Thanh) cho rằng trong bốn mươi năm, trước phương tiện dẫn nhiếp, đến trên hội Lăng-già nói tự giác Thánh trí, thức tạng tức

Như Lai tạng, hiển bày “Lý Viên Tâm Diệu”. Kinh Lăng-già nói: “Đại thừa của ta chẳng phải thừa” đã là có ý khai Quyền hiển Thật. Đến trên hội Pháp Hoa, thuận nói về Thật tướng, một sắc một hương, đều quy về “Trung đạo” hiển bày “Hạnh Viên Cảnh Diệu”. Lý và Hạnh đã Viên thì tâm cảnh đều Diệu, mà Phật tri kiến trọn rõ ở nơi đây thôi.

Bản hoài xuất thế của Như Lai không còn có sự gì khác, cho nên vì hàng Tam thừa khai Phật tri kiến này, vì thế mỗi mỗi đều được thọ ký, liền nhập vào Niết-bàn. Sở dĩ lấy đó làm Chung, dẫn quy về nơi Pháp giới mới là cứu cánh.

Ở đây, ngài Hiền Thủ ước nơi hóa nghi mà phán kinh Pháp Hoa làm Chung giáo, rất là tận lý. Còn ngài Ôn Lăng ước kinh Pháp Hoa này cùng với Hoa Nghiêm làm trước sau cho nhau, là có chỗ nhận thấy nhưng chưa có phát dương hết thôi.

Xem kỹ nơi ý chỉ của kinh dung hội nơi giáo quán, diệu kế nơi Phật tâm thời trọn không có pháp nào dư thừa vậy.

Giải thích đề kinh

Đề kinh tên *Diệu Pháp Liên Hoa* tức là chỉ thẳng cho Nhất chân Pháp giới Như Lai tạng tâm để lập tên vậy. Luận Khởi Tín nói rằng: “*Chỗ gọi là pháp đó, nghĩa là tâm chúng sinh. Tâm này tổng nhiếp tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian mà làm toàn thể Pháp giới. Tất cả Thánh phàm, nhiễm tịnh, nhân quả không gì chẳng dung nhiếp. Ở Thánh không tăng, ở phàm chẳng giảm, chỗ nhiễm không dơ, xuất trần chẳng sạch. Do đây nên Phật Lô-xá-na chúng cũng tâm này, tâm cảnh nhất như, Thánh phàm bình đẳng, chúng sinh vốn đủ, cho*

nên nói rằng: “Kỳ thay! Kỳ thay! Tất cả chúng sinh có đủ trí huệ đức tướng của Như Lai, chỉ do vọng tưởng điên đảo chấp trước mà chẳng chứng được”. Bởi do chư Phật ngộ tâm đó mà làm Phổ Quang Minh trí, gọi đó là Phật tri kiến. Chúng sinh mê đó, rồi làm thành vô minh nghiệp thức, cội gốc sinh tử. Một khi thấy được tâm này liền đó là Phật, đây là sự vi diệu của tâm.

Hoa tạng thế giới, Y báo Chánh báo trang nghiêm trùng trùng vô tận vi diệu viên dung, bụi, lông, cỏ rác nương nơi tâm này mà lập. Thật tướng, vô tướng đây là sự vi diệu của cảnh.

Tâm, cảnh không hai, thuận là nhất chân mới gọi là diệu pháp.

Nhưng diệu pháp đây chúng sinh mê đó gọi là “Tạng thức”, còn chư Phật ngộ đó gọi là “Như Lai tạng”, y nơi một tâm này mà kiến lập Pháp giới Liên hoa tạng. Thế nên, chân vọng xuyên suốt, nhiễm tịnh dung thông, nhân quả đồng thời, chỉ chung nhất tế. Cho nên, ước theo Dụng thì lấy biểu tượng là Liên Hoa, còn ước theo Pháp thẳng chỉ tâm thể. Nhưng tâm thể này mà ở nơi Phật thì

là “Phổ Quang Minh trí”, cũng gọi là “Thật trí”, lại gọi là “Nhất thiết chủng trí”, cũng gọi là “Tự giác Thánh trí”, cho nên gọi là “Phật trí kiến”. Ở nơi chúng sinh gọi đó là Căn bản vô minh. Do vì chúng sinh sẵn đủ Phật trí kiến, bởi do vô minh che lấp nên chẳng biết. Thế nên, chư Phật xuất thế riêng vì họ mà chỉ bày rõ tâm này, khiến cho chúng sinh tự thấy tự biết mà ngộ nhập. Nên nói rằng: *“Chư Phật Như Lai chỉ vì một đại sự nhân duyên cho nên xuất hiện ra đời”*. Nên gọi đó là “khai thị chúng sinh ngộ Phật trí kiến” khiến được thanh tịnh vậy. Chỉ lấy sự này làm “Đại” lại không có việc gì khác vậy. Đây chính là bản hoài xuất thế của đức Như Lai.

Rất lớn thay! Tâm này khó ngộ vậy! Duy đức Lô-xá-na Như Lai ta lúc mới thành Chánh Giác, ở nơi Bồ-đề Đạo Tràng liền khai thị tâm này, diễn Đại Hoa Nghiêm, gọi đó là “Phổ Chiếu Pháp Hoa Giới Tu-đa-la”. Gọi đó là “Nhất thừa” riêng hàng chúng sinh đại căn thấy nghe được lợi ích, mà hàng Hạ căn liệt giải, thân dù ở tại tòa mà như đui như điếc. Cho nên, đức Phật mới khởi Đồng thể đại bi, xem cây kinh hành, đem pháp Nhất thừa

phân biệt nói thành ba, thế nên, thân hiện cả hai tướng Ứng và Hóa, hai thủy (một ở Bồ-đề Đạo Tràng thuyết Hoa Nghiêm; còn một ở vườn Lộc Uyển thuyết Tứ đế). Ở Lộc Uyển thuyết pháp Tứ đế độ hàng Thanh văn, đây vốn là bản hoài của chư Phật đặc biệt vì “khai thị Phật tri kiến” vậy. Do vì chúng sinh căn tánh ám độn, nên từ đây nhân đi trải qua 40 năm lao nhọc cho đức Phật phải dùng vô lượng phương tiện, mà chúng sinh (quần cơ) chẳng tỏ ngộ, chờ đến lúc bị quở trách mới có tâm tin Phật.

Thẳng đến trên hội Pháp Hoa, thấy căn cơ của họ đã thuần, tin chắc được tâm này bền vì họ mà mỗi mỗi thọ ký cho được thành Phật. Chỗ gọi là biết tất cả pháp tức tâm tự tánh thành tựu huê thân chẳng do người khác mà được tỏ ngộ.

Bản hoài xuất thế của đức Thích-ca Mâu-ni ngày nay mới toại, nên mới tận tình thổ lộ, trải qua sự trình bày khổ tâm một bề đồng lo để trọn nặng sự lợi sinh. Ở nơi đây (ý nói hội Pháp Hoa), chẳng bao lâu bền vào Niết-bàn, chỗ gọi là trọn hết ứng tích (ý nói độ sinh) vậy. Cho nên, như ông Trưởng giả sắp lâm chung bền giao phó gia nghiệp.

Nên biết, kinh Pháp Hoa này như chúc thơ giao phó gia nghiệp mà làm lưu thông cho một đại thời giáo. Bởi một bề chẳng nói gọi đó là hộ niệm, ngày nay mới nói đây là phó chúc. Cho nên, về sự thì gồm dĩ vãng, còn nghĩa thì ở ngoài lời.

Nếu chẳng phải “Viên Chiếu Pháp Giới, Diệu Khế Phật Tâm” mà lấy văn tự để cầu đó, thì mờ mịt không có chỗ nương nhờ. Rõ biết một đề kinh đây, thì ý chỉ của toàn kinh đã suy nghĩ hơn phân nửa vậy.

*



Đời Diêu Tần Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập

Phụng chiếu dịch

Diêu Tần đó là thuở Đông Tấn, Ngũ Hồ Loạn Hoa là hiệu của Diêu Hưng khi lập quốc vậy. Ban sơ, Tần chúa Phù Kiên thấy ngài Đạo An pháp sư tôn xưng là Thánh nhân. Ngài Đạo An nói: *“Bần đạo chẳng phải Thánh. Nghe bên Tây Vực, nước Quy Tư có ngài Cưu-ma-la-thập là bậc Thánh nhân. Đàn việt¹ muốn được thấy thì nên qua đó mà thỉnh!”*.

¹ Đàn việt: là tiếng âm theo Phạn, dịch là Thí chủ, là những người có tâm đạo, thường xây dựng chùa, tháp, cúng dường chư Tăng (Tam Bảo).

Lúc bấy giờ, Phù Kiên đem thiết giáp bảy muôn, sai Lữ Quang làm tướng phạt nước Quy Tư để bắt ngài La-thập. Đến lúc vây thành, vua nước Quy Tư nói: “Tôi cùng với Trung Quốc cách nhau xa, vốn chẳng giao thông nhau, sao lại đánh nước tôi?”. Lữ Quang nói: “Đại Tần Thiên vương nghe vương quốc có bậc Thánh nhân là ngài Cưu-ma-la-thập, muốn thỉnh về cúng dường chớ chẳng phải lấy đất đai của vua”.

Lúc bấy giờ, ngài La-thập mới 20 tuổi, là cháu gọi vua nước Quy Tư là cậu. Trí biện phi thường, đã vì vua mà giảng kinh Bát-nhã. Vua nói: “Ngài La-thập là quốc bảo của nước ta, há khứng khinh bỏ để nghe lệnh của ông sao?”. Binh vây thành lâu không giải được. Ngài La-thập xin với vua rằng: “Do vì bản đạo mà làm khổ cho nhân dân chẳng phải đạo từ bi vậy. Tôi nguyện xin đi thì sẽ trở về”. Vua bất đắc dĩ phải cho đi. Lữ Quang rước ngài La-thập vào Quan trung, nghe vua Phù Kiên đã chết. Diêu Trường tự lập làm vua. Lữ quang bèn chiếm cứ Kinh Châu tức vị, lấy hiệu nước là Đại Kinh. Chưa bao lâu Lữ Quang chết. Con là Lữ Chiêu nối ngôi, lại bị Thái nguyên

công Lữ Toán làm hại. Lữ Toán lên ngôi lại bị Lữ Liêu truất phế lập Lữ Long, được vài năm thì ngài La-thập bị cầm tù.

Diêu Hưng niên hiệu Hoằng Thủy thứ ba, sai đem binh phạt Lữ Long. Lữ Long đầu hàng. Diêu Hưng rước ngài La-thập vào Trường An. Tàn Chúa lễ thờ Ngài.

Ngài La-thập ở tại Kinh, bị các ông Thiệu v.v... làm nhục, nhiều việc không thể dùng lời để nói Ngài đều an nhẫn. Đến khi gặp Tàn chúa, lúc ban đầu rất kính trọng, sau đó lại có phạm Tăng ở Tây Vực đến và có đem theo kinh thiên Ba-la-mật, sánh với ngài La-thập rất khế hợp. Diêu Hưng muốn lưu lại nhưng vị phạm Tăng này chẳng ở, bèn bỏ đi. Diêu Hưng nổi giận ngầm sai sứ giả theo giết ở ngoài cửa quan. Nhân đó lại nghi ngài La-thập sợ có chí bỏ đi bèn đem cung nữ ban cho gọi là nổi giống Phật, để đoán ý ngài La-thập (có ý thử). Ngài La-thập biết được ý của vua, bởi tình thâm vì pháp bèn thâu nạp cung nữ², để giải sự nghi ngờ của vua.

² Lúc ấy có người bàn tán về việc ngài La-thập thâu nạp cung nữ, lại có những Sứ bắt chước theo Ngài. Một hôm, trong lúc giảng kinh,

Lúc dịch kinh Pháp Hoa, ban đầu ở nơi Thảo đường, là chính đương lúc bị nguy hiểm nghi ngờ mà vì lấy pháp làm trọng, nên không ngại ty hiềm, để thành pháp duyên này. Nhân đó mà thấy, người xưa quên mình vì pháp, bị đủ những sự gian nan.

Ngài Cửu-ma-la-thập nhập diệt. Sau khi an táng xong, trước tháp mọc lên hoa sen xanh. Diêu Hưng bèn mở tháp để xem, thì thấy gốc hoa từ cuốn lối mọc ra. Nếu chẳng phải Đại Thánh thì hiện sao lại có việc này?

Ban đầu, ngài Triệu Công đồng ở dịch tràng. Tần Chúa rất trọng. Chưa bao lâu ngài La-thập nhập diệt thì ngài TăngTriệu cũng bị hại. Buồn thay!

*

vì muốn để giải thích cũng như tránh sự bất chước của Tăng chúng, Ngài lấy kim đâm vào mình và nói với đại chúng rằng: “Nếu ai có thể lấy kim nhọn đâm vào mình như bản đạo đây thì được thâu nạp nữ nhân vậy”. Đây chính là lời răn của ngài La-thập vậy.

Kinh Pháp Hoa này gồm 28 phẩm, chia làm 3 phần chính:

A. PHẦN TỔNG HIỂN: Phẩm Tựa tức là phần trình bày nguyên do.

B. PHẦN CHÁNH TÔNG: Gồm 27 phẩm, dùng bốn chữ “Khai, Thị, Ngộ, Nhập” để chia.

1. Từ phẩm *Phương Tiện* đến phẩm *Pháp Sư* gồm 9 phẩm là Khai Phật tri kiến.

2. Phẩm *Hiện Bảo Tháp* thứ 11 là Thị Phật tri kiến

3. Từ phẩm *Đề-bà-đạt-đa* đến phẩm *Chúc Lụy* gồm 11 phẩm là Ngộ Phật tri kiến.

4. Từ phẩm *Dược Vương Bồ-tát Bốn Sự* đến phẩm *Phổ Hiền Bồ-tát Khuyến Phát* gồm 6 phẩm, là Nhập Phật tri kiến.

* KHAI THỊ NGỘ tức là TÍN GIẢI

* NHẬP tức là HẠNH CHỨNG

C. PHẦN LƯU THÔNG: Từ “lúc Phật nói kinh này... lẽ mà đi”, là phần chung kết vậy.

*



A. PHẦN TỔNG HIỂN



THỨ NHẤT

Phẩm Tựa

Chánh văn:

1. Tôi nghe như thế này: Một thuở nọ đức Phật ở trong núi Kỳ-xà Quật, nơi thành Vương-xá cùng chúng đại Tỷ-kheo một muôn hai nghìn người câu hội. Các vị đó đều là bậc A-la-hán, các lậu đã hết, không còn phiền não, việc lợi mình đã xong, dứt sự ràng rịt trong các cõi, tâm được tự tại. Tên của các vị đó là: A-nhã Kiều-trần-như, Ma-ha Ca-diếp, Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, Đà-gia Ca-diếp, Na-đề Ca-diếp, Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiên-liên, Ma-ha Ca-chiên-diên, A-nậu-lâu-đà, Kiếp-tân-na, Kiều-phạm-

ba-đề, Ly-bà-đa, Tất-lăng-già-bà-ta-bạc-câu-la, Ma-ha Câu-si-la Nan-đà, Tôn-đà-la Nan-đà, Phú-lâu-na-di-la-ni-tử, Tu-bồ-đề, A-nan, La-hầu-la v.v... đó là những vị đại A-la-hán hàng tri thức của chúng.

Lại có bậc hữu học và vô học hai nghìn người.

Bà Tỷ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề cùng với quyến thuộc sáu nghìn người câu hội. Mẹ của La-hầu-la là bà Tỷ-kheo-ni Gia-thâu-đà-la cũng cùng với quyến thuộc câu hội.

Giảng giải:

Đây là nghi thức kết tập Pháp tạng, là lúc đức Thế Tôn sắp nhập diệt, ngài A-nan thừa lời dạy tối hậu, phần để nơi đầu chung của các kinh, đủ như các kinh thường trình bày. Chỉ Phật thuyết pháp, đều gọi là xứng với cơ nghi, những chúng được liệt bày ra, lấy hàng đương cơ làm đầu.

Kinh Pháp Hoa này là pháp tối thượng Nhất thừa để dạy hàng Bồ-tát, mà đem hàng Thanh văn để ở đầu đờ là do vì nay dạy về “Khai Quyền hiển Thật”, đặc biệt vì dân nhiếp hàng Nhị thừa vào Phật tri kiến, thọ ký thành Phật, chớ nên mới để làm bậc thượng thủ. Nếu luận về khen nơi đức, thì

nói các lậu đã hết tâm được tự tại, đó là chánh hiển bày hàng Nhị thừa tâm đã được điều nhu, kham lãnh thọ đại pháp, đây chính là lúc căn cơ đã được thuần thục đắc đạo, nên ở dưới đây mới liệt kê ra các đệ tử là những người đó.

Hàng hữu học Tỷ-kheo-ni v.v... cũng để ở đầu đó là do đức Phật giáo hóa có Nhân, có Thân. Những người khác đều thuộc về Nhân, còn ở đây là thuộc về Thân.

Nhân duyên Phật tánh chính là ở đây đó vậy. Đến dưới đây đều được thọ ký là vì liễu nhân Phật tánh hiển liễu, đó là làm việc lợi ích chúng sinh đã xong.

Chánh văn:

2. Bạc Đại Bồ-tát tám muôn người đều không thối chuyển nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đều chứng dạng pháp Đà-la-ni, nhạo thuyết biện tài, chuyển nói pháp luân bất thối chuyển, từng cúng dường vô lượng trăm nghìn chư Phật, ở nơi các đức Phật trông các cội công đức, thường được các Phật ngợi khen, dùng đức tử để tu thân, khéo chứng trí huệ của Phật, thông đạt đại trí đến nơi bờ kia, danh đồn khắp vô lượng thế giới, có thể độ vô số trăm nghìn chúng sinh.

Tên của các vị đó là: Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát, Quán Thế Âm Bồ-tát, Đắc Đại Thế Bồ-tát, Thường Tinh Tấn Bồ-tát, Bất Hưu Tức Bồ-tát, Bảo Chương Bồ-tát, Dược Vương Bồ-tát, Dũng Thí Bồ-tát, Bảo Nguyệt Bồ-tát, Nguyệt Quang Bồ-tát, Mãn Nguyệt Bồ-tát, Đại Lực Bồ-tát, Vô Lượng Lực Bồ-tát, Việt Tam Giới Bồ-tát, Bạt-đà-bà-la Bồ-tát, Di-lặc Bồ-tát, Bảo Tích Bồ-tát, Đạo Sư Bồ-tát v.v... Các vị đại Bồ-tát như thế tám muôn người câu hội.

Lúc bấy giờ, Thích Đề Hoàn Nhơn cùng quyến thuộc hai muôn vị Thiên tử câu hội.

Lại có Minh Nguyệt thiên tử, Phổ Hương thiên tử, Bảo Quang thiên tử, bốn vị đại Thiên vương cùng với quyến thuộc một muôn Thiên tử câu hội.

Tự Tại thiên tử, Đại Tự Tại thiên tử cùng với quyến thuộc ba vạn Thiên tử câu hội.

Chủ cõi Ta-bà: Phạm Thiên Vương, Thi Khí Đại Phạm, Quang Minh Đại Phạm v.v... cùng với quyến thuộc một muôn hai nghìn vị Thiên tử câu hội.

Có tám vị Long vương: Nan-đà Long vương, Bạt Nan-đà Long vương, Ta-dà-la Long vương, Hòa Tu Kiết Long vương, Đức-xoa-ca Long vương, A-na-bà-đạ-đa Long vương, Ma-na-tư Long vương, Ưu-bát-la Long vương v.v... đều cùng bao nhiêu trăm nghìn quyến thuộc câu hội.

HT. Thích Trí Tịnh

Có bốn Khẩn-na-la vương: Pháp Khẩn-na-la vương, Diệu Pháp Khẩn-na-la vương, Đại Pháp Khẩn-na-la vương, Trì Pháp Khẩn-na-la vương đều cùng bao nhiêu trăm nghìn quyến thuộc câu hội.

Có bốn vị Càn-thát-bà vương: Nhạc Càn-thát-bà vương, Nhạc Âm Càn-thát-bà vương, Mỹ Càn-thát-bà vương, Mỹ Âm Càn-thát-bà vương đều cùng bao nhiêu trăm nghìn quyến thuộc câu hội.

Có bốn vị A-tu-la vương: Bà Trĩ A-tu-la vương, Khu La Khiên Đà A-tu-la vương, Tỳ-ma-chất-đa-la A-tu-la vương, La-hầu A-tu-la vương đều cùng bao nhiêu trăm nghìn quyến thuộc câu hội.

Có bốn vị Ca-lâu-la vương: Đại Oai Đức Ca-lâu-la vương, Đại Thân Ca-lâu-la vương, Đại Mãn Ca-lâu-la vương, Như Ý Ca-lâu-la vương đều cùng bao nhiêu quyến thuộc câu hội.

Vua A-xà-thế, con bà Vi-đê-hi cùng bao nhiêu trăm nghìn quyến thuộc câu hội.

Cả chúng đều lễ chân Phật, lui ngồi một phía.

Giảng giải:

Trong phần Tựa này là rộng liệt bày đại chúng trong pháp hội. Chư Đại Bồ-tát là để giúp Phật tuyên dương giáo hóa làm pháp quyến thuộc. Do vì

Phật là bậc xuất thế chí Thánh, pháp được Phật nói là lời luận bàn tuyệt thế, tự chẳng phải là bậc Pháp thân Đại sĩ, thì làm sao có thể cổ xướng được.

Ngài Văn-thù đó là thầy của bảy đức Phật có thể diệu khế Phật tâm, cho nên ở nơi bậc thượng thủ. Kinh Pháp Hoa này dùng trí để lập thế, là chỗ sở tông. Đến như hàng chư Thiên, nhân, Long, Thần, Bát bộ, thường theo Phật giáo hóa, làm chúng hộ pháp cho nên đều có ở nơi tòa.

Do vì đức Như Lai xuất thế để hóa độ chúng sinh đều thành Phật đạo, đây là bản hoài của Phật. Nay vì hàng Nhị thừa mỗi mỗi thọ ký đều được thành Phật là sắp xong việc lợi sinh.

Chính giống như ông Trưởng giả sắp lâm chung ủy phó gia nghiệp, bèn hội họp thân tộc quốc vương, đại thần, Sát-đế-lợi, Cư sĩ để làm chứng minh mà phó chúc.

Sở dĩ, trong hội Linh Sơn³ ở đây không thiếu

³ Hội Linh Sơn: hội Phật nói kinh Pháp Hoa, tiếng Phạn gọi là Kỳ-xà Quật Sơn, tức là Linh Thứu Sơn, cũng gọi là Linh Sơn. Chữ “thứu” tức là con kênh kênh, vì dáng ngọn núi này giống hình con chim kênh kênh.

một người, có thể tưởng tượng sự tập hợp kia rất thù thắng vậy. Như trên hội Hoa Nghiêm tập hợp đồ chúng, đồng với thân dị sinh⁴ có 42 bậc để tiêu biểu đều riêng được nhất vị pháp môn, viên thành quả hải. Do đây, nên biết các kinh liệt bày đại chúng đều có chỗ sở tông.

Chánh văn:

3. Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn, hàng tứ chúng vây quanh cúng dường cung kính ngợi khen tôn trọng, vì các vị Bồ-tát mà nói kinh Đại thừa tên là: “Vô Lượng Nghĩa Giáo Bồ-tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm”.

Nói kinh này xong, đức Phật ngồi xếp bằng nhập vào chánh định “Vô lượng nghĩa xứ”, thân và tâm của Phật đều không lay động.

Khi đó, trời mưa hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha Mạn-đà-la, hoa Mạn-thù-sa, hoa Ma-ha Mạn-thù-sa để rải trên đức Phật cùng hàng đại chúng; khắp cõi Phật sáu diệu⁵, vang động.

Lúc bảy giờ, trong chúng hội, các hàng Tỷ-kheo,

⁴ Dị sinh: thân các loài thú, hoặc thân núi, sông, cây, cỏ v.v...

⁵ Sáu diệu: ba thứ tiếng vang dội, và ba thứ tiếng rung động của hình sắc.

Tỷ-kheo-ni, Cận sự nam, Cận sự nữ, Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà⁶, A-tu-la⁷, Ca-lâu-la⁸, Khẩn-na-la⁹, Ma-hầu-la-dà¹⁰, nhân, phi nhân và các vị tiểu vương cùng Chuyển Luân Thánh Vương, các đại chúng ấy đều đặng thấy việc chưa từng có, vui mừng chấp tay một lòng nhìn Phật.

Giảng giải:

Đây là phần Tựa riêng để phát khởi lý của kinh Pháp Hoa. Sắp sửa luận bàn diệu pháp trước hết nói kinh Vô Lượng Nghĩa, là do vì bốn mươi năm trước, vì hàng Tam thừa nói các pháp đều là phương tiện lập ra, chưa rời nơi tâm ý thức lượng.

Nay sắp hiển bày “Nhất thừa Thật tướng Phật tri kiến địa”, cho nên trước nói kinh này để làm tiền đạo, ý muốn nói cho mọi người rời tâm thức ra khỏi tình thức phân biệt, để có thể vào được Phật tri kiến.

⁶ Càn-thát-bà: Thần hầu hạ cõi trời Đao-lợi (Thần âm nhạc về tục nhạc).

⁷ A-tu-la: Thần Phi Thiên, có phước như Trời, mà đức kém.

⁸ Ca-lâu-la: Kim xí điểu (chim cánh vàng).

⁹ Khẩn-na-la: Thần phi nhân, giống người, trên đầu có hai sừng (Thần âm nhạc về pháp nhạc).

¹⁰ Ma-hầu-la-dà: Thần rắn mãng xà.

Kinh này là tâm pháp bí mật của chư Phật, như viên minh châu trong búi tóc của vua Chuyển Luân, chẳng vọng cho người, cho nên mới được Phật hộ niệm. Đã hiển bày sự vi diệu của tâm pháp rồi, đức Phật lại nhập vào “Vô Lượng Nghĩa Xứ Tam-muội” đó là để hiển bày “Tịch diệt nhất tâm Thật tướng chân cảnh”, chẳng phải tán tâm loạn ý mà có thể nhìn thấy, quyết phải từ Tam-muội mà quán sát rồi mới có thể thâm nhập vô tế. Cho nên, Tam-muội này cũng gọi là “Vô Lượng Nghĩa Xứ”. Đây là hiển bày nơi cảnh Diệu. Tâm và Cảnh đều diệu, thì ý chỉ của toàn kinh đã hiển bày rõ ở đây rồi. Ý hiển rõ nơi tâm cảnh này mới là “Chân nhân thành Phật”, cho nên trời mưa bốn thứ hoa.

Không vào được tâm và cảnh này thì không đủ để chuyển, phá vô minh, cho nên đại địa chấn động sáu cách. Đã hiển bày toàn thể đại dụng của diệu pháp, chỗ gọi là trước dùng nơi sức định để chuyển động đó vậy.

Đại chúng trong pháp hội từ xưa chưa từng thấy cho nên đều hoan hỷ. Vì chẳng biết được lý do cho nên chỉ nhìn Phật mà thôi. Trông mong có chỗ truyền thọ vậy.

Chánh văn:

4. Bấy giờ, đức Phật từ nơi tướng lông trắng giữa chạng mày phóng ra luồng hào quang chiếu khắp cả một muôn tám nghìn cõi ở phương Đông, dưới thời chiếu đến địa ngục A-tỳ, trên suốt thấu trời Sắc Cứu Cánh. Chúng ở cõi này đều thấy cả sáu loài chúng sinh ở các cõi kia.

Lại thấy các đức Phật hiện tại nơi các cõi kia và nghe kinh pháp của các đức Phật ấy nói, cùng thấy nơi các cõi kia, các hàng Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Cận sự nam, Cận sự nữ, những người tu hành đặc đạo.

Lại thấy các vị Đại Bồ-tát dùng các món nhân duyên, các lòng tín giải, các loại tướng mạo mà tu hành đạo Bồ-tát. Lại thấy các đức Phật nhập Niết-bàn, lại thấy sau khi các đức Phật nhập Niết-bàn, đem Xá-lợi của Phật mà dựng tháp bằng bảy báu.

Giảng giải:

Đây là hoàn toàn hiện bày Pháp giới chân cảnh. Bạch hào tướng quang là tiêu biểu cho “Trung đạo diệu trí”, chỗ gọi rằng tự tâm hiện tự giác Thánh trí cảnh giới.

Bởi vì nhất chân Pháp giới Phổ quang minh

HT. Thích Trí Tịnh

trí, tất cả chúng sinh động loạn căn trần thức giới, đều do trí này tùy duyên biến hiện ra.

Nay trí này hiện tiền rộng rang chiếu suốt trọn không cách ngại, cho nên chiếu suốt một muôn tám ngàn cõi nước ở phương Đông. Những chỗ khổ vui trong Tam giới, những sự luân hồi của chúng sinh trong Lục đạo, những sự thủy chung của chư Phật thành Phật, những diệu hạnh của Bồ-tát lợi tha, đều chẳng rời diệu dụng của trí này. Cho nên, thấy đều hiện bày đầy đủ rõ ràng trong một hào quang. Do đó, tâm niệm tịnh, uế đều quên, chúng sinh và Phật bình đẳng, mà Nhất thừa Thật tướng Phật tri kiến địa, đều chiếu sáng trong tâm mục này. Chỗ gọi là sau mới dùng nơi trí để nhỏ hết: Đại ý của toàn kinh đã hiện rõ ở đây.

Chánh văn:

5. Khi ấy, ngài Di-lặc Bồ-tát nghĩ rằng: "Hôm nay đức Thế Tôn hiện thân biến tướng, vì nhân duyên gì mà có điềm lành này? Nay, đức Phật đang nhập chánh định, việc biến hiện hy hữu không thể nghĩ bàn này nên hỏi ai, ai đáp được?"

Ngài lại nghĩ: "Ông Pháp Vương tử Văn-thù-sư-lợi này đã từng gần gũi cúng dường vô lượng các đức Phật

đời quá khứ, chắc đã thấy tướng hy hữu này, ta nay nên hỏi ông”.

Lúc đó, hàng Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Cận sự nam, Cận sự nữ và các Trời, Rồng, Quỷ, Thần v.v... đều nghĩ rằng: “Tướng thần thông sáng chói của đức Phật hiện đây, nay nên hỏi ai?”.

Bấy giờ, ngài Di-lặc Bồ-tát muốn giải quyết chỗ nghi của mình, Ngài lại xét tâm niệm của bốn chúng: Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Cận sự nam, Cận sự nữ và của cả chúng hội Trời, Rồng, Quỷ, Thần v.v... mà hỏi Văn-thù-sư-lợi rằng: “Vi nhân duyên gì mà có tướng lành thần thông này, Phật phóng ánh sáng lớn soi khắp một muôn tám nghìn cõi ở phương Đông, đều thấy cõi nước trang nghiêm của các đức Phật?”.

Khi đó, ngài Di-lặc muốn nói lại nghĩa trên, dùng kệ hỏi rằng:

Ngài Văn-thù-sư-lợi!

Đức Đạo sư cố chi

Lông trắng giữa chạng mờ

Phóng ánh sáng khắp soi?

Trời mưa hoa Mạn-đà

Cùng hoa Mạn-thù-sa,

Gió thơm mùi Chiên-đàn

Vui đẹp lòng đại chúng.
Vi nhân duyên như vậy
Cõi đất đều nghiêm tịnh
Mà trong thế giới này
Sáu điệu vang động lên.
Bấy giờ bốn bộ chúng
Thảy đều rất vui mừng
Thân cùng ý thơ thới
Đặng việc chưa từng có.
Ánh sáng giữa chạng mờ
Soi suốt thẳng phương Đông
Một muôn tám nghìn cõi
Đều ánh như sắc vàng
Từ địa ngục A-tỳ
Trên đến trời Hữu Đảnh.
Trong các thế giới đó
Cả sáu đạo chúng sinh
Sống chết của kia đến
Nghệp duyên lành cũng dữ
Thọ báo có tốt xấu
Tại đây đều thấy rõ.
Lại thấy các đức Phật
Đấng Thánh chúa Sư Tử

Diễn nói các kinh điển
Nhiệm mẫu bậc thứ nhất.
Tiếng của Ngài thanh tịnh
Giọng nói ra êm dịu
Dạy bảo các Bồ-tát
Vô số ức muôn người
Tiếng Phạm âm thâm diệu
Khiến người đều ưa nghe.
Các Phật ở cõi mình
Mà giảng nói chánh pháp
Dùng nhiều món nhân duyên
Cùng vô lượng tỷ dụ
Để soi rõ Phật pháp
Mà khai ngộ chúng sinh.
Nếu có người bị khổ
Nhàm lìa già, bệnh, chết,
Phật vì nói Niết-bàn
Để dứt các ngăn khổ.
Nếu là người có phước
Đã từng cúng dường Phật,
Chí cầu pháp thù thắng
Vì nói hạnh Duyên giác.
Nếu lại có Phật tử